

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Păng Ting Nôck;
2. Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y, sinh năm: 1993; nơi cư trú: số 5/28/4 (số cũ 9/2) đường T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Việt H, sinh năm: 1992; nơi cư trú: 62 đường N, phường D, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y trình bày thì: chị Y và anh Lê Việt H chung sống với nhau từ năm 2010 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố của anh H tại địa chỉ 224/23 đường P, phường B, thành phố Đ. Đến năm 2011, bố anh H mất nên vợ chồng ra thuê phòng trọ sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Đến đầu năm 2019, sau khi chị Y sinh con thứ hai thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gổ, xúc phạm, đánh đập chị Y nhiều lần gây áp lực cũng như ảnh hưởng đến tinh thần của chị Y. Chị Y đã nhiều lần tha thứ mong

anh H thay đổi nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau nữa. Nay chị Y xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị Y xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Cát T, sinh ngày 18/3/2011 và cháu Lê Đức Thiện A, sinh ngày 31/12/2018; hiện con đang ở với chị Y. Ly hôn, chị Y yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Y xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H đã được Toà án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không đến Toà và cũng không cung cấp văn bản ghi Y kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y nên Toà án không thu thập được Y kiến cũng như lời khai của anh H và không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Y xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Chị Y yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án, thì Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Y và anh H là có xảy ra trong thực tế và đã trầm trọng. Vợ chồng sống đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y. Cho chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y và anh Lê Viết H ly hôn. Đề nghị giao 02 con chung là cháu Lê Ngọc Cát T, sinh ngày 18/3/2011 và cháu Lê Đức Thiện A, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên; Tại phiên tòa, chị Y xác định mình đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không đề cập. Về tài sản chung và nợ chung, chị Y xác định không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Lê Viết H để tham gia phiên toà sơ thẩm, tuy nhiên anh H vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y và anh Lê Viết H kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Theo chị Y thì quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gỗ, xúc phạm, đánh đập chị Y nhiều lần và gây áp lực làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị Y. Chị Y đã nhiều lần tha thứ nhưng anh H vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau nữa. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Bị đơn anh H đã được Tòa án thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa để H giải, tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không có lý do là thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn vợ chồng hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh H là có xảy ra và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y yêu cầu ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y, cho chị Y và anh H ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Y và anh H có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Cát T, sinh ngày 18/3/2011 và cháu Lê Đức Thiện A, sinh ngày 31/12/2018. Ly hôn, chị Y có yêu cầu được nuôi cả 02 con. Xét thấy cả 02 con đều đã sống với chị Y từ trước đến nay đã ổn định, cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A hiện đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Y xác định đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định không có, anh H không có Y kiến gì nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y. Cho chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y và anh Lê Việt H ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Ngọc Cát T, sinh ngày 18/3/2011 và cháu Lê Đức Thiện A, sinh ngày 31/12/2018 cho chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Bùi Nguyễn Ngọc Như Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu số 0001957 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- UBND phường D, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Lệ Quyên